

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Hà Nội, tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/01/2019)
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Cẩm La Hương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020



Số: 112 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày ngày 17 tháng 03 năm 2020, từ trang 04 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2020-156-1

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		836.482.056.405	788.532.954.484
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	530.223.506.719	479.116.207.042
1. Tiền	111		530.223.506.719	401.116.207.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	78.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.198.827.628	290.813.224.579
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	18.883.788.243	88.443.045.177
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	79.325.578.138	132.856.313.854
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	149.989.461.247	66.413.865.548
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.000.000.000)	-
III. Hàng tồn kho	140	9	20.723.581.408	4.401.482.924
1. Hàng tồn kho	141		20.723.581.408	4.401.482.924
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.336.140.650	14.202.039.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	38.862.781.126	13.483.008.628
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		449.027.859	718.031.311
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	24.331.665	1.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.073.157.575.018	1.470.794.773.518
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		98.544.247.390	42.307.430.329
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	98.544.247.390	42.307.430.329
II. Tài sản cố định	220		893.785.571.566	347.658.261.575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	492.588.602.628	151.001.879.261
- Nguyên giá	222		606.414.082.550	201.776.739.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.825.479.922)	(50.774.860.554)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	401.196.968.938	196.656.382.314
- Nguyên giá	228		430.955.836.338	215.500.502.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.758.867.400)	(18.844.120.191)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	239.384.251.312	158.004.201.096
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		239.384.251.312	158.004.201.096
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	15.584.000.000	297.764.426.336
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	282.180.426.336
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(125.100.000)	(125.100.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.110.000.000	15.110.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		825.859.504.750	625.060.454.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	399.846.049.476	141.243.694.793
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	363.287.671
3. Lợi thế thương mại	269	15	426.013.455.274	483.453.471.718
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.909.639.631.423	2.259.327.728.002

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.974.071.216.654	1.023.733.666.692
I. Nợ ngắn hạn	310		1.690.932.332.120	748.960.043.796
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	96.913.654.655	34.787.245.489
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	504.083.533.089	118.568.254.669
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	62.736.639.454	39.115.746.620
4. Phải trả người lao động	314		106.343.494.592	48.486.649.879
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	70.674.922.726	43.751.479.058
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	321.281.361.036	264.826.370.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	130.988.195.092	5.599.249.928
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	397.910.531.476	193.825.047.698
II. Nợ dài hạn	330		283.138.884.534	274.773.622.896
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	41.585.182.983	23.547.209.691
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	238.090.136.398	249.199.314.543
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.463.565.153	2.027.098.662
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		935.568.414.769	1.235.594.061.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	935.568.414.769	1.235.594.061.310
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		815.897.350.000	688.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		815.897.350.000	688.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		65.976.720.000	90.074.070.000
3. Lợi nhuận, lỗ sau thuế chưa phân phối	421		(124.756.931.761)	160.746.889.661
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		108.059.398.977	102.257.420.062
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(232.816.330.738)	58.489.469.599
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		178.451.276.530	295.973.101.649
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.909.639.631.423	2.259.327.728.002



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.672.134.268.705	1.045.143.074.485
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	16.100.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	1.672.134.268.705	1.045.126.974.485
4. Giá vốn hàng bán	11	25	895.813.053.116	551.234.168.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		776.321.215.589	493.892.806.358
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	35.986.585.288	15.216.943.636
7. Chi phí tài chính	22	27	46.977.377.987	28.001.458.714
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.507.409.217	26.891.076.804
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		(940.051.309)	1.286.172.497
9. Chi phí bán hàng	25	28	475.415.056.915	240.379.114.610
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	180.488.012.510	121.425.377.968
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		108.487.302.156	120.589.971.199
12. Thu nhập khác	31	30	9.965.609.890	17.799.233.927
13. Chi phí khác	32	31	14.602.831.976	12.394.111.748
14. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(4.637.222.086)	5.405.122.179
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		103.850.080.070	125.995.093.378
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	32.158.687.249	37.673.112.279
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.799.754.162	2.027.098.662
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		69.891.638.659	86.294.882.437
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		39.484.712.344	58.489.469.599
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		30.406.926.315	27.805.412.838
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	531,95	849,15
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	103.850.080.070	125.995.093.378
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	131.427.183.063	99.405.735.047
- Các khoản dự phòng	03	2.000.000.000	33.777.000
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.505.202.814)	(16.467.116.133)
- Chi phí lãi vay	06	40.507.409.217	26.891.076.804
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	250.279.469.536	235.858.566.096
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(73.210.476.013)	(92.069.322.202)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(16.473.311.010)	495.368.047
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	732.746.044.599	45.796.690.444
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(296.758.304.161)	(64.220.993.333)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(34.132.028.145)	(25.874.862.775)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.286.690.202)	(37.664.885.504)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(937.001.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	538.164.704.604	61.383.559.129
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(642.900.870.456)	(117.329.707.324)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	(642.273.175.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.100.000.000	580.393.175.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(384.155.824.924)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	299.688.330.653	21.751.669.347
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.131.597.576	5.992.467.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(712.136.767.151)	(151.465.570.196)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	104.950.000.000	85.174.160.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	914.761.378.288	576.949.964.846
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(722.956.907.599)	(294.746.426.080)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71.675.108.465)	(68.880.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	225.079.362.224	298.497.698.766
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	51.107.299.677	208.415.687.699
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	479.116.207.042	270.700.519.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	530.223.506.719	479.116.207.042



Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 10 ngày 31/10/2019 với vốn điều lệ của Công ty là 815.897.350.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty con là Công ty TNHH Apax Franklin Academy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo Biên bản họp số 2912/2019/BB-HĐQT ngày 29/12/2019 và Nghị quyết số 2912/2019/NQ-HĐQT ngày 29/12/2019 của Hội đồng quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten và Công ty đã thực hiện mua thêm cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong Nghị quyết số 247/2019/NQ-HĐQT ngày 24/07/2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc tham gia góp vốn thành lập “Công ty Cổ phần English Now Global”.

Trong Nghị quyết số 1908/2019/QĐ-HĐQT ngày 19/08/2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc tham gia góp vốn thành lập “Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia”.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Tp. Hà Nội	79,69%	79,69%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Tp. Hà Nội	95,49%	95,49%	Giáo dục mầm non
3	Công ty Cổ phần English Now Global	Tp. Hà Nội	51,00%	51,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
4	Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Tp. Hà Nội	51,00%	51,00%	Giáo dục tiểu học

Danh sách các công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax sở hữu (dưới đây gọi là công ty liên kết gián tiếp):

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
1	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	39,05%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hoạt động liên tục

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 854 tỷ VND chỉ mang tính thời điểm, cũng như phản ánh lượng học viên tăng trưởng cao tại các Trung tâm. Theo đó, Ban Điều hành Công ty thấy rằng vấn đề này không ảnh hưởng đáng kể đến tính hoạt động liên tục trong hoạt động kinh doanh, cũng như không ảnh hưởng đến cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, đặc biệt khi Công ty sẽ đưa một số Trung tâm đã và đang đầu tư vào hoạt động chính thức trong năm 2020.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty mẹ - công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ toàn bộ.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Lệnh Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc;*
- Công ty ước tính giá trị hợp lý trong xác định giá trị của các khoản đầu tư trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con, được xác định trên cơ sở giá giao dịch gần nhất được xác định bởi tổ chức định giá và giá cổ phiếu phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu của công ty con.*

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phần bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là đất sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao hàng kỳ.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phục vụ đầu tư vào các Dự án Apex Leaders và Dự án Leader in me được phân bổ như sau: Việc tập hợp chi phí của dự án Apex Leader được thực hiện theo các trung tâm hình thành trong tương lai, bắt đầu thực hiện phân bổ vào chi phí trong kỳ khi các trung tâm ở trạng thái sẵn sàng sử dụng; "Apax Online" bắt đầu thực hiện phân bổ vào chi phí trong năm khi chính thức đưa vào giảng dạy tại các trung tâm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí ghi danh học sinh, chi phí khởi nghiệp ban đầu, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí thiết lập cơ sở vật chất dự án Apax Leader là các khoản chi phí đầu tư của các trung tâm trong giai đoạn đầu tư không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chương trình Leader in me là các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai chương trình Leader in me, chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thi công nội thất của các trung tâm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 3 năm.

Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là tiền thu học phí của học sinh đã trả trước cho cả khoá học nhưng học sinh chưa hoàn thành khoá học, các khoá học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán. Các khoản tiền thu trước học phí của học sinh nhưng học sinh chưa được bắt đầu học được phân loại sang khoản mục người mua trả tiền trước.

Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Trái phiếu phát hành (Tiếp theo)

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần quan trọng trong năm

- Giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại các công ty liên kết gián tiếp:

Từ ngày 10/12/2019 đến ngày 12/12/2019, Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại các Công ty liên kết của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland; Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy và Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy. Giá chuyển nhượng 01 cổ phần tại các Công ty liên kết bằng với mệnh giá, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền chuyển nhượng trong năm.

- Giao dịch chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát Công ty con - Chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Apax Franklin Academy:

Vào ngày 29 tháng 04 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty TNHH Apax Franklin Academy cho một đối tác doanh nghiệp với tổng giá chuyển nhượng là 20 tỷ VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như Thuyết minh báo cáo tài chính số 26.

- Giao dịch đầu tư mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten:

Vào ngày 04 tháng 10 năm 2019, Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten, đồng thời, Công ty đã thực hiện mua cổ phiếu phát hành thêm của tại Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten. Theo đó, Công ty đã thực hiện mua từ Bà Nguyễn Thị Đoàn với số lượng cổ phần là 4.500.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 10.000 VND/cổ phần và góp thêm 6.350.000 cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten phát hành thêm, nâng tỷ lệ sở hữu từ 53,83% lên 95,49%. Việc đầu tư thêm đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần quan trọng trong năm (Tiếp theo)

	Giá trị tài sản thuần xác định tại ngày mua
	VND
Tài sản	264.255.384.610
Nợ phải trả	164.356.367.310
Tổng tài sản thuần (a)	99.899.017.300
<i>Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty mẹ trước khi tăng</i>	<i>53,83%</i>
<i>Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty mẹ sau khi tăng do chuyển nhượng</i>	<i>94,21%</i>
Tỷ lệ phần sở hữu tăng thêm (b)	40,37%
Giá trị lợi ích tăng (giảm) thêm của Công ty mẹ trong Tổng tài sản thuần của Công ty con (c) = (a) x (b)	40.333.543.685
Tổng giá phí khoản đầu tư tăng thêm (d)	45.000.000.000
<i>Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty mẹ sau khi tăng vốn góp</i>	<i>95,49%</i>
Giá trị lợi ích tăng (giảm) thêm của Công ty mẹ do tăng vốn góp (e)	(148.398.914)
Thay đổi lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hợp nhất (e) = (c) - (d) + (e)	(4.814.855.229)

- Giao dịch đầu tư mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax:

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2019, Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Theo đó, Công ty đã thực hiện mua cổ phần từ Ông Nguyễn Ngọc Thùy - Cổ đông của Công ty với số lượng cổ phần là 6.600.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 53.000 VND/cổ phần theo kết quả định giá của Công ty TNHH PwC Việt Nam, nâng tỷ lệ sở hữu từ 68,91% lên 79,69%. Việc đầu tư thêm đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như sau:

	Giá trị tài sản thuần xác định tại ngày mua
	VND
Tài sản	2.442.505.627.096
Nợ phải trả	1.593.009.445.240
Tổng tài sản thuần (a)	849.496.181.856
<i>Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty mẹ trước khi tăng</i>	<i>68,91%</i>
<i>Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty mẹ sau khi tăng</i>	<i>79,69%</i>
Tỷ lệ phần sở hữu tăng thêm (b)	10,79%
Giá trị lợi ích tăng (giảm) thêm của Công ty mẹ trong Tổng tài sản thuần của Công ty con (c) = (a) x (b)	91.618.321.463
Tổng giá phí khoản đầu tư tăng thêm (d)	349.800.000.000
Thay đổi lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hợp nhất (e) = (c) - (d)	(258.181.678.537)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cổ đông chi phối công ty mẹ sở hữu 66,66% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

Chi tiết bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 36.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt (i)	107.271.050.386	161.315.727.297
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	395.046.136.827	143.881.519.323
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán (ii)	367.001.506	90.016.230.422
Tiền đang chuyển (iii)	27.539.318.000	5.902.730.000
Các khoản tương đương tiền (iv)	-	78.000.000.000
Cộng	530.223.506.719	479.116.207.042

Ghi chú:

- (i) Số dư tiền mặt tại Văn phòng các Công ty và các trung tâm tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

<u>Trung tâm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn Phòng Công ty Cổ phần Apax Holdings	175.029.462	173.400.743
Văn Phòng Công ty TNHH Apax Franklin Academy	-	53.511.717
Văn Phòng Công ty Cổ phần English Now Global	28.253.734	-
Văn Phòng Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	1.000.869.958	11.373.830.817
Trường mầm non Dolphin	-	1.182.426.539
Trường mầm non Legend	-	119.570.000
Trường mầm non Hồ Gươm	-	1.030.108.772
Trường mầm non Monbay	-	1.896.968.307
Trường mầm non Artemis	-	98.495.583
Trường mầm non Helios	-	1.085.446.634
Trường mầm non Đại từ	2.503.134.975	(**)
Trường mầm non Xuân Diệu	2.502.932.386	(**)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

<u>Trung tâm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trường mầm non Kosmo	2.502.000.000	(**)
Trường mầm non Cái Dầm	2.500.776.000	(**)
Trường mầm non Nam Định	2.501.676.000	(**)
Văn Phòng Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	1.716.763.125	6.067.464.911
Trung tâm Phan Văn Trị 1	923.431.600	2.441.169.800
Trung tâm Flemington	927.719.267	2.452.263.767
Trung tâm Cộng Hòa	806.710.249	2.379.659.849
Trung tâm Sương Nguyệt Ánh	778.253.900	2.348.943.900
Trung tâm Sài Gòn Pearl	921.885.800	2.445.612.500
Trung tâm Võ Văn Tần	784.457.000	2.365.598.500
Trung tâm Hà Đông 2	786.597.556	2.204.268.000
Trung tâm Hoàng Đạo Thúy 2	807.971.000	2.568.342.500
Trung tâm Mỹ Đình	773.526.969	2.318.806.104
Trung tâm Hai Bà Trưng	787.446.800	2.356.968.300
Trung tâm Trần Hưng Đạo	922.092.797	2.501.638.000
Trung tâm Times City	976.372.787	2.893.938.662
Trung tâm Hà Đông 1	807.388.458	2.404.674.000
Trung tâm Hoàng Đạo Thúy	756.121.499	2.431.708.174
Trung tâm Bình Dương	910.949.058	2.486.844.565
Trung tâm Phan Xích Long	924.834.000	2.309.859.000
Trung tâm Đà Nẵng 1	977.374.704	2.483.672.760
Trung tâm Hạ Long Quảng Ninh 1	921.445.000	2.583.665.000
Trung tâm Lý Thường Kiệt	970.475.000	2.678.731.000
Trung tâm Lê Đại Hành	983.892.852	2.515.880.500
Trung tâm Huế 1	924.212.700	2.471.222.100
Trung tâm Ưông Bí	976.817.000	2.476.886.000
Trung tâm Cẩm Phả	905.837.500	2.805.000.000
Trung tâm Ninh Bình 1	983.847.000	2.606.260.000
Trung tâm Lê Hồng Phong	770.812.750	2.654.544.000
Trung tâm Lê Lợi - Thanh Hóa	986.798.000	2.464.201.000
Trung tâm Đà Nẵng 2	927.521.000	2.415.465.000
Trung tâm Thụy Khuê	958.313.498	2.829.571.000
Trung tâm Định Công	976.617.427	2.404.630.500
Trung tâm Núi Trúc	791.072.000	2.360.288.000
Trung tâm Trung Kính	990.856.223	2.627.501.500
Trung tâm Lào Cai 1	987.765.000	2.062.565.000
Trung tâm Vĩnh Phúc 1	981.736.645	2.664.681.945
Trung tâm Xala Hà Đông	997.144.643	2.621.654.143
Trung tâm Bãi Cháy	923.559.156	2.860.290.156
Trung tâm Việt Trì Phú Thọ 1	985.525.500	2.546.585.000
Trung tâm Vinh 2	972.402.000	2.594.315.000
Trung tâm Cầu Giấy	974.991.581	2.471.500.000
Trung tâm Bắc Ninh	793.457.250	2.171.690.000
Trung tâm Từ Sơn	790.869.250	2.270.309.000
Trung tâm Thái Bình 1	992.079.425	2.815.400.000
Trung tâm Linh Đàm	990.186.789	2.691.735.500
Trung tâm Long Biên	794.334.500	2.404.210.000
Trung tâm Thái Nguyên 1	987.439.000	2.581.485.000
Trung tâm Nguyễn Chí Thanh	803.767.354	2.479.606.000
Trung tâm Nguyễn Sơn	781.820.761	2.432.989.500
Trung tâm Vĩnh Phúc 2	975.515.544	2.599.717.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

<u>Trung tâm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Quang Trung - Hải Phòng	785.803.719	2.753.479.000
Trung tâm Kim Liên	783.277.976	2.482.863.000
Trung tâm Hà Nam 1	964.553.000	2.609.141.000
Trung tâm Vinh 1	920.759.400	2.531.433.000
Trung tâm Thái Hà	-	2.436.004.000
Trung tâm Hoàng Quốc Việt	924.594.114	2.370.867.531
Trung tâm Láng Hạ	774.999.262	2.368.396.548
Trung tâm Trung Vãn	797.559.719	2.706.458.719
Trung tâm Võ Thị Sáu	926.260.432	75.912.400
Trung tâm Nguyễn Thị Thập	929.994.181	60.056.000
Trung tâm Trần Bình Trọng	924.228.000	39.105.000
Trung tâm Lê Văn Việt	910.673.500	21.420.000
Trung tâm Hoàng Văn Thụ	-	26.000.000
Trung tâm Trường Chinh	912.483.000	79.365.000
Trung tâm D2 - Bình Thạnh	925.465.307	38.174.807
Trung Tâm Vũng Tàu 1	913.852.500	79.280.000
Trung Tâm Tây Sơn	800.951.844	-
Trung tâm Him Lam	923.517.000	(**)
Trung tâm Tân Phú	927.135.000	(**)
Trung tâm Gia Lai	928.045.000	(**)
Trung tâm Trần Đình Xu	778.847.000	(**)
Trung tâm Bắc Giang CO.OP Mart	928.980.000	(**)
Trung tâm Phạm Đình Hồ	925.233.000	(**)
Trung tâm Lạc Long Quân	929.594.000	(**)
Trung tâm Bắc Hải	926.075.000	(**)
Trung tâm Võ Văn Ngân	922.265.000	(**)
Trung tâm Lê Văn Sỹ	788.805.000	(**)
Trung tâm Phạm Văn Hai	926.777.000	(**)
Trung tâm Phan Huy Ích	921.165.000	(**)
Trung tâm Quang Trung - Gò Vấp	925.861.000	(**)
Trung tâm Thanh Đa - Bình Quới - Bình Thạnh	920.285.000	(**)
Trung tâm Tân Lừa - Tân Bình	927.011.000	(**)
Trung tâm Trần Trọng Cung	927.710.000	(**)
Trung tâm Nguyễn Duy Trinh	927.864.000	(**)
Trung tâm Tân Hòa Đông	928.275.000	(**)
Trung tâm Nguyễn Tri Phương	929.500.000	(**)
Trung tâm Phan Văn Hớn	927.045.000	(**)
Trung tâm Phan Văn Trị 2	929.800.000	(**)
Trung tâm Lê Đức Thọ - HCM	967.155.000	(**)
Trung tâm Hải Dương 1	772.830.000	(**)
Trung tâm Xuân Diệu	980.240.000	(**)
Trung tâm Nguyễn Tuân	779.900.000	(**)
Trung tâm Vinhomes Gardenia	971.317.000	(**)
Trung tâm Phạm Văn Đồng	987.259.000	(**)
Trung tâm MIPEC Long Biên	772.483.000	(**)
Trung tâm Sun Lương Yên	990.680.000	(**)
Trung tâm Hà Đông 3	783.313.000	(**)
Trung tâm Vĩnh Hưng	986.950.000	(**)
Trung tâm FIVE STAR - Kim Giang	981.200.000	(**)
Trung tâm Phan Đình Phùng	996.441.000	(**)
Trung tâm Trương Định	772.763.000	(**)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

Trung tâm	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm GOLDEN PALACE	984.154.000	(**)
Trung tâm Lê Trọng Tấn	802.060.000	(**)
Trung tâm TM Chợ Hàng Da	929.050.000	(**)
Trung tâm Ngoại Giao Đoàn	970.521.000	(**)
Trung tâm Hưng Yên 1	767.884.000	(**)
Trung tâm Phúc Yên Plaza	903.924.000	(**)
Tổng	107.271.050.386	161.315.727.297

(*) Trung tâm đã ngừng hoạt động trong năm.

(**) Tại thời điểm đầu năm, các trung tâm này chưa đi vào hoạt động.

- (ii) Khoản tiền gửi tại tài khoản nhà đầu tư của Công ty Chứng khoán, khoản tiền gửi có thể rút ra bất cứ lúc nào và hưởng lãi suất không kỳ hạn.
- (iii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản Công ty.
- (iv) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	18.883.788.243	88.443.045.177
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	40.614.829.345
Công ty Cổ phần Đầu tư An toàn Safeinvest	6.501.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	4.000.000.000
Các đối tượng khác	8.382.788.243	43.828.215.832
b) Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	40.692.829.345
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	40.614.829.345
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	-	78.000.000

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	79.325.578.138	132.856.313.854
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT	-	26.672.569.828
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hạ tầng Cơ sở (i)	30.374.045.068	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN (ii)	29.122.680.410	43.959.208.281
Visang Education Inc (iii)	4.677.912.462	-
Các đối tượng khác	15.150.940.198	62.224.535.745
b) Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan	2.596.435.549	800.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	1.932.241.805	800.000.000
Công ty Cổ phần Soya Garden	550.538.884	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool	113.654.860	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Ứng trước theo Hợp đồng nguyên tắc số 0201/2019/HĐNT/APAX-HTCS ngày 02/01/2019 về việc Hạ tầng cơ sở thiết kế, cung cấp vật tư, cài tạo sửa chữa lắp đặt nội thất thiết bị cho 35 trung tâm, hoàn tất các công việc theo hợp đồng và bàn giao cho Apax chậm nhất là ngày 30/09/2020. Tổng giá trị thực hiện hợp đồng là 210 tỷ VND.
- (ii) Là việc ứng tiền trước cho nhà thầu đề thi công nội thất công trình theo: Hợp đồng nguyên tắc 0205/2019/HĐTC/HN-APAX ký ngày 02 tháng 05 năm 2019 và các phụ lục hợp đồng của Công ty ký với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HN.

Công ty đang ghi nhận chi phí đầu tư, lắp đặt các trung tâm tại các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán gồm: (i) chỉ tiêu tài sản cố định hữu hình; và (ii) chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn (như tại thuyết minh số 19) cùng giá trị tạm tính theo giá dự toán xây dựng, tương ứng khối lượng xây dựng đã hoàn thành, nghiệm thu; Khi có quyết toán tổng thể đã được phê duyệt, Công ty sẽ hạch toán bù trừ giá trị chỉ tiêu Chi phí phải trả và giá trị Trả trước cho người bán này.

- (iii) Ứng trước theo Hợp đồng cung cấp hệ thống phần mềm tự học tiếng anh của Visang cho Công ty. Công ty sẽ phải trả mức phí theo tiến độ thanh toán để được cung cấp hệ thống phần mềm, thời gian được cung cấp dịch vụ trong thời hạn 07 năm kể từ thời điểm ngày 01/01/2020. Công ty sẽ vận hành chuỗi Trung tâm Tiếng Anh với thương hiệu “EnglishNow”.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	149.989.461.247	-	66.413.865.548	-
Ký cược, ký quỹ	114.353.654.120	-	24.132.887.000	-
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (i)	40.800.000.000	-	23.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (ii)	42.330.000.000	-	-	-
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT (iii)	30.000.000.000	-	-	-
- Các khoản đặt cọc khác	1.223.654.120	-	332.887.000	-
Tạm ứng	12.765.753.807	-	4.601.837.655	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	-	-	347.900.365	-
Phải thu khác	22.870.053.320	-	37.331.240.528	-
- Ông Đặng Văn Dương	-	-	22.798.330.653	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú (iv)	-	-	5.956.825.218	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy (iv)	-	-	494.340.484	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool - Cùng tập đoàn (v)	1.084.762.820	-	855.116.420	-
- CTCP Anh ngữ APAX Speedy - Công ty liên kết gián tiếp (v)	-	-	4.574.403.542	-
- Công ty Cổ phần Studynet - Công ty liên kết gián tiếp	191.636.250	-	191.636.250	-
- Hợp tác chuyển nhượng bất động sản (vi)	20.260.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.333.654.250	-	2.460.587.961	-
b) Phải thu dài hạn khác	98.544.247.390	-	42.307.430.329	-
Ký cược, ký quỹ (vii)	98.544.247.390	-	42.307.430.329	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn từ 3 - 6 tháng tại BIDV Thanh Xuân và Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered đang dùng để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuê tài chính;
- (ii) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng “phần dự án trường học” trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học tại số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Tiến độ hoàn thành sẽ là trong quý 4 năm 2020.
- (iii) Đặt cọc tại ngày 31/12/2019 cho Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình TCT theo Hợp đồng số HĐNT 01/2018 và phụ lục tháng 12/2019 về việc thi công thiết kế nội thất cho 12 điểm trường mầm non của Công ty, tổng mức đầu tư của dự án là 108 tỷ VND, thời gian thực hiện đến ngày 31/12/2020.
- (iv) Tiền lãi tiền cho vay trong năm;
- (v) Phải thu do tiền chi trả hộ hàng hóa là balo, sách, tablet cho các Công ty trong cùng hệ thống;
- (vi) Là khoản phải thu khác từ các Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2409/2019/HĐHT/APAX-NTXM với Bà Nguyễn Thị Xuân Mai để thực hiện chuyển nhượng bất động sản tại các vị trí Trung liệt, Cát Linh, Nghĩa đô - TP. Hà Nội.
- (vii) Chủ yếu là khoản ký cược, ký quỹ thuê các trung tâm.

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	19.942.977.561	-	384.836.591	-
Hàng hoá	780.603.847	-	4.016.646.333	-
Cộng	20.723.581.408	-	4.401.482.924	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	38.862.781.126	13.483.008.628
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	22.725.414.525	10.089.699.236
Chi phí bảo hiểm	164.852.786	66.876.590
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.055.253.075	325.031.940
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.917.260.740	3.001.400.862
b) Dài hạn	399.846.049.476	141.243.694.793
Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leader (i)	240.138.448.984	84.601.803.244
Chương trình Leader in me (ii)	107.360.555.434	-
Chi phí mua bản quyền phần mềm	106.544.426	379.383.566
Chi phí thành lập doanh nghiệp	6.289.669.248	14.127.872.609
Chi phí công cụ, dụng cụ	23.359.675.159	9.007.224.981
Chi phí thi công nội thất	3.199.141.837	8.048.499.310
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.392.014.388	25.078.911.083

Ghi chú:

- (i) Chi phí thiết lập cơ sở vật chất của các Trung tâm Apax Leader đã đi vào hoạt động.
- (ii) Chương trình Leader in me là các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai chương trình Leader in me.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	182.906.975.710	10.085.034.270	7.248.081.035	1.536.648.800	201.776.739.815
Tăng trong năm	399.297.124.643	2.588.200.185	-	2.777.885.306	404.663.210.134
Giảm khác	(25.867.399)	-	-	-	(25.867.399)
Số dư cuối năm	582.178.232.954	12.673.234.455	7.248.081.035	4.314.534.106	606.414.082.550
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ					
Số dư đầu năm	42.696.608.836	7.542.894.949	426.153.597	109.203.172	50.774.860.554
Khấu hao trong năm	60.061.924.527	2.102.821.113	722.809.539	184.864.231	63.072.419.410
Giảm khác	-	-	-	(21.800.042)	(21.800.042)
Số dư cuối năm	102.758.533.363	9.645.716.062	1.148.963.136	272.267.361	113.825.479.922
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	140.210.366.874	2.542.139.321	6.821.927.438	1.427.445.628	151.001.879.261
Số dư cuối năm	479.419.699.591	3.027.518.393	6.099.117.899	4.042.266.745	492.588.602.628

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 8.173.186.900 VND (Tại thời điểm ngày 01/01/2019 là 0 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư đầu năm	110.459.861.905	102.735.286.823	2.305.353.777	215.500.502.505
Tăng trong năm	197.746.353.000	17.552.980.833	156.000.000	215.455.333.833
Phân loại lại	15.030.200.000	(15.030.200.000)	-	-
Số dư cuối năm	323.236.414.905	105.258.067.656	2.461.353.777	430.955.836.338
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Số dư đầu năm	-	17.519.200.219	1.324.919.972	18.844.120.191
Khấu hao trong năm	-	10.289.625.821	625.121.388	10.914.747.209
Số dư cuối năm	-	27.808.826.040	1.950.041.360	29.758.867.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	110.459.861.905	85.216.086.604	980.433.805	196.656.382.314
Số dư cuối năm	323.236.414.905	77.449.241.616	511.312.417	401.196.968.938

Ghi chú:

Quyền sử dụng đất của Công ty là các mảnh đất dự kiến phục vụ mục tiêu mở rộng mạng lưới và làm nhà công vụ. Cụ thể như sau:

- Đất Tứ Liên, Tây Hồ, tổ 15, cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;
- Thửa đất số 164, bản đồ số F48-115-24, xã Tiến Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội;
- Đất Pháp Vân, Hoàng Mai, Ô đất số 16, lô BT15, Dự án khu ĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội;
- Đất Cự Khối, Long Biên, tổ 3, phường Cự Khối, quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- Thửa đất tại nền H23, khu tái định cư 17,3 ha, phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh;
- Đất Nhật Tân, Tây Hồ tại đất Tổ 16, 17 Cụm 2, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;
- Đất Lô số TT1, KĐT mới Mỹ Đình - Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội;
- Đất lô 30/H1, KĐT mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Đất Thửa đất số 27, tờ bản đồ 6G-I-27, số 138 phố Trung Liệt, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội;
- Đất Tập thể Viện Dược liệu, ngách 75 ngõ 35 phố Cát Linh, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội;
- Đất Thửa đất số 15, tờ bản đồ 35, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên;
- Thửa đất tại lô B6-05A, Khu chức năng đô thị thành phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Dự án Apax Leaders (i)	182.710.611.286	84.514.705.491
Dự án Leader in me (ii)	-	57.514.929.646
Phần mềm FSOFT (iii)	2.516.994.546	3.355.992.728
Dự án Apax Online (iv)	24.034.776.941	-
Dự án Chương trình giảng dạy Steam e Garten (v)	17.734.755.477	-
Dự án khác	12.387.113.062	12.618.573.231
Cộng	239.384.251.312	158.004.201.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Chi phí đầu tư xây dựng của các Trung tâm đào tạo thuộc dự án Apax Leader tại Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax đang trong quá trình xây dựng, lắp đặt.
- (ii) Chi phí thực hiện chương trình đào tạo mới của dự án Leader in me được thành lập theo quyết định của Hội đồng Quản trị tại Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax ngày 15 tháng 06 năm 2018, chi phí triển khai chương trình này đã hoàn thành ngừng vốn hóa tại thời điểm ngày 20 tháng 08 năm 2019.
- (iii) Dự án Fsoft là dự án thiết lập phần mềm quản trị doanh nghiệp Microsoft Dynamic 365, Công ty thuê Công ty TNHH Phần mềm FPT thiết kế, xây dựng phần mềm quản trị doanh nghiệp để sử dụng, thời gian thực hiện dự án đến năm 2020.
- (iv) Chi phí thực hiện chương trình đào tạo tiếng anh online được thành lập theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 02/01/2019.
- (v) Chi phí phát triển bộ chương trình giảng dạy Steam e Garten nhằm phát triển các sản phẩm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con - Công ty cổ phần Phát triển giáo dục Igarten được thực hiện theo Quyết định số 10/2019/QĐ-HĐQT ngày 16/02/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý (v)	Giá trị hợp lý (v)
	Giá gốc	Giá trị ghi số (i)	Giá gốc	Giá trị ghi số (i)		
	VND	VND	VND	VND		
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên kết	1.960.000.000	-	278.850.000.000	-	282.180.426.336	
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland (iii)	-	-	100.000.000.000	-	100.239.641.325	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy (iii)	-	-	98.000.000.000	-	100.913.967.654	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy (iii)	-	-	78.890.000.000	-	79.066.817.357	
Công ty Cổ phần Studynet (ii)	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	1.960.000.000	
- Đầu tư vào đơn vị khác	599.100.000	(125.100.000)	599.100.000	(125.100.000)	474.000.000	
Cổ phiếu niêm yết						
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000	(125.100.000)	125.100.000	(125.100.000)	-	
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-	360.000.000	-	360.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-	114.000.000	
b) Đầu tư vào trái phiếu	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-	15.110.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (iv)	15.110.000.000	-	15.110.000.000	-	15.110.000.000	
Cộng	17.669.100.000	(125.100.000)	294.559.100.000	(125.100.000)	297.764.426.336	

Ghi chú:

(i) Giá trị ghi số của khoản đầu tư được ghi nhận như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác: được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng.

(ii) Công ty Cổ phần Studynet đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại các Công ty liên kết cho các cá nhân theo phê duyệt tại các Quyết định số 1012/2019/QĐ/HĐQT ngày 10/12/2019; Quyết định số 1112/2019/QĐ/HĐQT ngày 11/12/2019 và 1212/2019/QĐ/HĐQT ngày 12/12/2019 của Hội đồng quản trị. Giá chuyển nhượng 01 cổ phần tại các Công ty liên kết bằng với mệnh giá, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền chuyển nhượng trong năm.
- (iv) Khoản trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thời hạn trái phiếu 7 năm từ ngày 19/12/2018 đến ngày 19/12/2025. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam. Phương thức trả lãi: Trả lãi sau, trả một năm trả lãi một lần.
- (v) Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chi tiêu giá trị hợp lý như sau:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cổ phiếu chưa niêm yết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ lợi ích của Apax English	Hoạt động chính
1	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	39,05%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đâu

15. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	483.453.471.718	540.893.488.162
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(57.440.016.444)	(57.440.016.444)
Số lũy kế đã phân bổ tại ngày cuối năm	148.386.709.167	90.946.692.723
Tại ngày cuối năm	426.013.455.274	483.453.471.718

Lợi thể thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	96.913.654.655	96.913.654.655	34.787.245.489	34.787.245.489
Chungdahm Learning, Inc	5.132.250.000	5.132.250.000	11.640.000.000	11.640.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	653.796.101	653.796.101	4.609.019.671	4.609.019.671
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng công trình TCT	9.050.676.638	9.050.676.638	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bộ Ba	5.200.684.632	5.200.684.632	2.147.278.235	2.147.278.235
Ông Mạc Xuân Chiến	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala	1.302.917.400	1.302.917.400	-	-
Các đối tượng khác	68.073.329.884	68.073.329.884	16.390.947.583	16.390.947.583
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	5.786.046.101	5.786.046.101	16.263.814.671	16.263.814.671
Chungdahm Learning, Inc - Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	5.132.250.000	5.132.250.000	11.640.000.000	11.640.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Cổ đông lớn	653.796.101	653.796.101	4.609.019.671	4.609.019.671
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	-	-	14.795.000	14.795.000

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đây là khoản ứng trước tiền học của học sinh tại các trung tâm, cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	504.083.533.089	118.568.254.669
Trung tâm Hai Bà Trưng	22.939.715.457	16.694.448.406
Trung tâm Linh Đàm	13.048.722.021	2.626.736.484
Trung tâm Trường Chinh	7.636.672.334	809.463.500
Trung tâm Times City	8.074.297.812	3.891.418.275
Trung tâm Thụy Khuê	8.595.799.049	2.315.699.285
Trung tâm Hoàng Quốc Việt	6.152.150.524	3.808.176.925
Trung tâm Bình Dương	12.656.744.190	2.090.047.120
Trung tâm Lê Hồng Phong	14.664.743.813	2.410.770.262
Trung tâm Nguyễn Thị Thập	8.346.810.666	2.823.186.000
Trung tâm Lê Văn Việt	11.143.515.000	1.026.299.500
Các trung tâm còn lại	390.824.362.223	80.072.008.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác (i)	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	3.695.131.536	5.878.695.256	8.828.274.682	(284.667.415)	460.884.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.945.793.770	32.709.203.475	24.286.690.202	-	31.368.307.043
Thuế thu nhập cá nhân	10.573.203.517	91.078.485.362	71.780.983.161	(120.569.757)	29.750.135.961
Các loại thuế khác	1.901.617.797	8.303.472.343	9.047.778.385	-	1.157.311.755
Cộng	39.115.746.620	137.969.856.436	113.943.726.430	(405.237.172)	62.736.639.454
b) Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	-	-	23.831.665	-	23.831.665
Các loại thuế khác	1.000.000	17.500.000	17.000.000	-	500.000
Cộng	1.000.000	17.500.000	40.831.665	-	24.331.665

Ghi chú:

- (i) Là khoản phải trả thuế của Công ty con - Công ty Công ty TNHH Apax Franklin Academy đã được thoả vốn trong năm.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	70.674.922.726	43.751.479.058
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm (i)	16.770.186.517	26.001.440.382
Trích trước chi phí ghi danh học sinh (ii)	23.286.250.000	-
Trích trước chi phí lương, thưởng	16.504.192.809	12.438.662.978
Trích trước chi phí nhượng quyền	6.975.000.000	-
Trích trước chi phí thuê địa điểm kinh doanh	2.754.509.144	1.104.390.394
Trích trước chi phí lãi vay	130.718.491	-
Trích trước chi phí khác	4.254.065.765	4.206.985.304

Ghi chú:

- (i) Là giá trị tài sản ghi nhận tạm tăng tại các trung tâm và các trường mầm non và các trung tâm tiếng anh như trình bày tại Thuyết minh số 6.
- (ii) Khoản trích trước thể hiện giá trị tiền bản quyền phải trả cho nhà cung cấp theo điều khoản của hợp đồng và số lượng sinh đã tham gia học trong năm.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	321.281.361.036	264.826.370.455
Tiền học phí thu trước	321.281.361.036	261.745.057.121
Thẻ học các khóa học tiếng anh online cho học sinh	-	3.081.313.334
b) Dài hạn	41.585.182.983	23.547.209.691
Tiền học phí thu trước	41.585.182.983	23.547.209.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	130.988.195.092	5.599.249.928
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	6.005.373.167	666.778.057
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	536.000.000	600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	124.446.821.925	4.931.871.871
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	5.146.836.836	1.968.491.603
- Ông Nguyễn Ngọc Thùy (i)	99.661.772.250	-
- Chungdahm Learning, Inc	5.877.107.550	-
- Công ty Cổ phần Nam Hải	700.000.000	-
- Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (chưa đến nhận cổ tức)	589.041.135	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú	64.255.800	-
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	1.196.941.030	-
- Các đối tượng khác	11.210.867.324	2.963.380.268
b) Trong đó: phải trả khác là các bên liên quan	112.446.913.466	1.968.491.603
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	5.146.836.836	1.968.491.603
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	99.661.772.250	-
Chungdahm Learning, Inc	5.877.107.550	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	1.196.941.030	-
Ông Nguyễn Mạnh Phú	64.255.800	-
Công ty Cổ phần thiết bị giáo dục Eschool	500.000.000	-

Ghi chú:

(i) Bao gồm các khoản phải trả:

- Phải trả số tiền là 97.800.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, khoản này đã được thanh toán trong tháng 1/2020.
- Phải trả tiền cổ tức đã chia trong năm với số tiền là 1.861.772.250 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	397.910.531.476	397.910.531.476	803.518.720.070	599.433.236.292	193.825.047.698	193.825.047.698
<i>a1) Vay ngắn hạn</i>	<i>315.776.583.600</i>	<i>315.776.583.600</i>	<i>712.297.601.449</i>	<i>555.065.547.432</i>	<i>158.544.529.583</i>	<i>158.544.529.583</i>
Công ty CP Studynet - Công ty liên kết (i)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	6.000.000.000	6.000.000.000	8.800.000.000	8.760.000.000	5.960.000.000	5.960.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (ii)	277.476.583.600	277.476.583.600	584.469.601.449	456.777.547.432	149.784.529.583	149.784.529.583
Công ty CP Anh ngữ Apax academy	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Apax Speedy	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Bà Vũ Cẩm La Hương (Apax Holding)	-	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-	-
Ông Lê Đình Đạo (iii)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Hải Yến (iv)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư Eduland	-	-	19.228.000.000	19.228.000.000	-	-
Bà Trương Thị Tâm (v)	24.500.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000	-	-	-
Ông Hoàng Hồng Trung	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-
a2) Nợ dài hạn đến hạn trả	82.133.947.876	82.133.947.876	91.221.118.621	44.367.688.860	35.280.518.115	35.280.518.115
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (vi)	121.967.208	121.967.208	121.967.208	121.967.208	121.967.208	121.967.208
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (vii)	60.671.000.000	60.671.000.000	62.771.000.000	32.302.000.000	30.202.000.000	30.202.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (viii)	5.340.980.668	5.340.980.668	5.328.151.413	4.943.721.652	4.956.550.907	4.956.550.907
Bà Vũ Cẩm La Hương (ix)	16.000.000.000	16.000.000.000	23.000.000.000	7.000.000.000	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	238.090.136.398	238.090.136.398	180.111.940.476	191.221.118.621	249.199.314.543	249.199.314.543
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (vi)	111.803.300	111.803.300	-	121.967.208	233.770.508	233.770.508
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân (vii)	122.456.872.223	122.456.872.223	158.940.105.532	62.771.000.000	26.287.766.691	26.287.766.691
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (viii)	12.266.459.264	12.266.459.264	-	5.328.151.413	17.594.610.677	17.594.610.677
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Trái phiếu phát hành (x)	103.255.001.611	103.255.001.611	1.171.834.944	103.000.000.000	205.083.166.667	205.083.166.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015, lãi suất 0%, thời hạn vay đến ngày 15/10/2018;

(ii) Bao gồm các khoản vay:

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8674692/HĐTD ngày 05/07/2019, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày 05/07/2019 đến ngày 05/07/2020. Hạn mức tín dụng 250.000.000.000 VND, lãi suất theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản đảm bảo là bất động sản và hợp đồng tiền gửi của bà Nguyễn Thị Thu Hương và ông Nguyễn Ngọc Thùy; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty tại BIDV Thanh Xuân.

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9930077/HĐTD ngày 30/9/2019 vay ngắn hạn với hạn mức 30 tỷ VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với thời hạn và lãi suất quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng (1) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở địa chỉ B6-05A, khu chức năng đô thị Thành phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2019/9930077/HĐTC; (2) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất tại nền H23 khu tái định cư 17,3 ha phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 03/2019/9930077/HĐTC; (3) Cổ phiếu của Ông Nguyễn Mạnh Phú và Bà Nguyễn Thị Hương Liên tại Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 05/2019/993077/HĐCC; (4) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings do Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup sở hữu với số lượng 4.000.000 cổ phiếu với giá trị định giá 57,123 tỷ VND theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 04/2019/993077/HĐCC.

(iii) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐVT/LDDAO-IGARTEN ngày 04/04/2019, số tiền cho vay là 1 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.

(iv) Công ty có 02 hợp đồng vay với Nguyễn Thị Hải Yến, Hợp đồng vay tiền số 090319/HĐVV/HAIYEN-IGARTEN ngày 06/03/2019 số tiền cho vay là 2 tỷ VND có thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp và Hợp đồng vay số 05/2019/HĐVT/Haiyen-Igarten ngày 11/10/2019 số tiền vay là 2 tỷ VND có thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.

(v) Hợp đồng vay tiền số 11.12/2019/TTVTAM-APAXHOLDINGS ngày 11/12/2019 và số 16.12/2019/TTVTAM-APAXHOLDINGS ngày 16/12/2019 với Bà Trương Thị Tâm. Tổng hạn mức vay lần lượt 9.500.000.000 VND và 15.000.000.000 VND, cho vay theo từng lần trong thời hạn 152 ngày kể từ ngày giải ngân với lãi suất 11%/năm, lãi vay thanh toán định kỳ 1 tháng/lần, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.

(vi) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) theo Hợp đồng cho vay số 62/2016/HĐTD/THNC/01 ngày 14/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất từ ngày nhận nợ đến ngày 15/11/2017 là 7,9%/năm. Thời gian tiếp theo đến ngày 15/11/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp của TP Bank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để mua xe ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Ghi chú (Tiếp theo):

- (vii) Công ty có 03 hợp đồng tín dụng dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân:

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2017/8674692/HĐTD ngày 29/09/2017, thời hạn vay từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/09/2022. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND, lãi suất 10,4%/năm thay đổi 3 tháng/lần, mục đích bảo lãnh thanh toán. Tài sản đảm bảo là bất động sản và 25 triệu cổ phần IBC thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup;

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2019/8674692/HĐTD ngày 30 tháng 09 năm 2019, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân. Hạn mức tín dụng 149.500.000.000 VND, lãi suất từ thời điểm giải ngân đầu tiên đến ngày 31/03/2020 là 9.5% điều chỉnh 6 tháng 1 lần vào ngày đầu tiên các quý, mục đích thanh toán các chi phí thực hiện dự án "Đầu tư mới 45 trung tâm dạy tiếng anh theo tiêu chuẩn APAX" do Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax làm chủ đầu tư. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án 45 trung tâm, thế chấp bổ sung quyền khai thác kinh doanh các trung tâm anh ngữ do BIDV tài trợ vốn, đảm bảo chung bằng 10 triệu cổ phần IBC của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings hiện đang được cầm cố cho dự án 50 trung tâm 2017.

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/9930077/HĐTD ngày 30/9/2019 số tiền 47 tỷ VND thực hiện đầu tư mở mới 08 Trường mầm non STEAME GARTEN với lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần với thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng (1) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở địa chỉ B6-05A, khu chức năng đô thị Thành phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2019/9930077/HĐTC; (2) Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất tại nền H23 khu tái định cư 17,3 ha phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 03/2019/9930077/HĐTC; (3) Cổ phiếu của Ông Nguyễn Mạnh Phú và Bà Nguyễn Thị Hương Liên sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 05/2019/993077/HĐCC; (4) Cổ phiếu của IBC do Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup sở hữu với số lượng 4 triệu cổ phiếu với giá trị định giá 57,123 tỷ VND theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 04/2019/993077/HĐCC.

- (viii) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo các Thư cấp tín dụng trung và dài hạn số BFL/11-HN/MT; BFL/12-HN/MT; BFL/13-HN/MT và BFL/14-HN/MT ngày 21/12/2017, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mua bán quyền, giấy phép, chương trình học từ Công ty Chungdahm Learning Inc. Lãi suất: Bằng chi phí vốn (%/năm) của ngân hàng trừ biên độ 0%/năm hoặc lãi suất đặc biệt được quy định theo thông báo rút vốn và giấy nhận nợ trong ngày rút vốn. Tài sản thế chấp cho các khoản vay gồm: 04 thửa đất và tài sản trên đất tại thành phố Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Lê Thị Thanh Hiền.
- (ix) Khoản vay với Bà Vũ Cẩm La Hương theo Phụ lục hợp đồng vay tiền ngày 1/7/2019 gia hạn thời hạn vay đến hết ngày 25/10/2020 của các hợp đồng: Hợp đồng vay tiền số 03/2019/HĐVT/LAHUONG-IGARTEN ngày 19/04/2019, tổng số tiền cho vay là 11 tỷ VND; Hợp đồng vay tiền số 04/2019/HĐVT/LAHUONG-IGARTEN ngày 25/04/2019, tổng số tiền cho vay là 12 tỷ VND. Các hợp đồng vay có lãi suất là 13,5%, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- (x) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: Giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: Giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch + 1 ngày giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 VND để mua 18.878.584 cổ phiếu Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 VND.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 VND, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ I năm 2019 số 0609/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính Giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc Phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ VND) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 VND. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận, lỗ chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	688.800.000.000	-	90.074.070.000	-	171.782.178.169	-	183.285.772.348	1.133.942.020.517		
Tăng vốn góp trong năm	-	-	-	-	-	-	85.174.160.000	85.174.160.000		
Lãi trong năm	-	-	-	-	58.489.469.599	-	27.805.412.838	86.294.882.437		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(68.880.000.000)	-	-	(68.880.000.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	(644.758.107)	-	(292.243.537)	(937.001.644)		
Số dư đầu năm	688.800.000.000	-	90.074.070.000	-	160.746.889.661	-	295.973.101.649	1.235.594.061.310		
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu (ii)	-	-	-	-	(262.996.533.766)	-	(131.802.865.249)	(394.799.399.015)		
Tăng vốn góp trong năm (i)	127.097.350.000	-	(24.097.350.000)	-	-	-	1.950.000.000	104.950.000.000		
Lãi trong năm	-	-	-	-	39.484.712.344	-	30.406.926.315	69.891.638.659		
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	(61.992.000.000)	-	(18.075.886.185)	(80.067.886.185)		
Số dư cuối năm	815.897.350.000	-	65.976.720.000	-	(124.756.931.761)	-	178.451.276.530	935.568.414.769		

Ghi chú:

(i) Trong năm, Công ty có các lần tăng giảm vốn như sau:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2019 của Công ty đã thông qua:

- Phương án chia cổ phiếu thưởng với mục đích: (i) Tăng vốn điều lệ và (ii) Thường cho cổ đông đã đóng góp sự phát triển của Công ty trong thời gian qua. Hình thức phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư cổ phần. Số lượng cổ phiếu chia thưởng là 7.576.800 cổ phần, số lượng cổ phiếu thực tế chia là 7.576.676 cổ phần.
- Phương án trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 9% bằng tiền (tương đương số tiền 61.992.000.000 tỷ VND). Tổng số tiền cổ tức đã thực chi cho các cổ đông trong kỳ là 61.401.300.165 VND.

Tại ngày 13/06/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Văn bản số 3641/UBCK-QLCB.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1505/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0110/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax - Công ty con thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 9,5%/ mệnh giá (Mỗi cổ phần sở hữu nhận được 950 VND). Cổ tức nhận bằng tiền, nguồn chi trả: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2018. Trong đó, Cổ tức Công ty con phải trả cho Công ty số tiền là 40.060.914.800 VND, phải trả cho cổ đông khác là 18.075.886.185 VND.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ I năm 2019 số 0609/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính Giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc Phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau: Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ VND) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 VND.

Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo Văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

- (ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax và tại Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten như sau:

- Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo Biên bản họp số 2912/2019/BB-HĐQT ngày 29/12/2019 và Nghị quyết số 2912/2019/NQ-HĐQT ngày 29/12/2019 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty đã thực hiện mua cổ phần từ Ông Nguyễn Ngọc Thùy - cổ đông của Công ty với số lượng cổ phần là 6.600.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 53.000 VND/cổ phần theo kết quả định giá của Công ty TNHH PwC Việt Nam, nâng tỷ lệ sở hữu từ 68,91% lên 79,69%. Việc đầu tư thêm đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như trình bày chi tiết tại thuyết minh số 3.

- Công ty đã thực hiện đầu tư mua thêm cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 2008/2019/BB-HĐQT ngày 20/08/2019 và Nghị quyết số 2108/2019/QĐ-HĐQT ngày 21/08/2019 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, Công ty đã thực hiện mua từ Bà Nguyễn Thị Đoàn với số lượng cổ phần là 4.500.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 10.000 VND/cổ phần, nâng tỷ lệ sở hữu từ 53,83% lên 95,49%.

Tiếp theo đó, Công ty đã thực hiện mua thêm 6.350.000 cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten theo Nghị quyết số 0807/2019/QĐ-HĐQT ngày 08/07/2019 của Hội đồng Quản trị. Việc đầu tư thêm đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như trình bày chi tiết tại thuyết minh số 3.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	543.899.990.000	490.000.000.000
Các đối tượng khác	271.997.360.000	198.800.000.000
Cộng	815.897.350.000	688.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	815.897.350.000	688.800.000.000
- Vốn góp đầu năm	688.800.000.000	688.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	127.097.350.000	-
- Vốn góp cuối năm	815.897.350.000	688.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	61.992.000.000	68.880.000.000

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	81.589.735	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	81.589.735	68.880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	81.589.735	68.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.672.134.268.705	1.045.143.074.485
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng hóa	834.735.251	2.835.213.228
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.671.299.533.454	1.042.307.861.257
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	-	-
	1.672.134.268.705	1.045.143.074.485
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(16.100.000)
<u>Trong đó:</u>		
- Hàng bán bị trả lại	-	(16.100.000)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.672.134.268.705	1.045.126.974.485

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	579.558.261	1.525.468.235
Giá vốn cung cấp dịch vụ	895.233.494.855	549.708.699.892
Cộng	895.813.053.116	551.234.168.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.709.955.630	15.180.943.636
Lãi bán các khoản đầu tư (i)	19.739.154.203	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.000.000	36.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	4.475.583.806	-
Doanh thu tài chính khác	25.891.649	-
Cộng	35.986.585.288	15.216.943.636

Ghi chú:

- (i) Khoản lãi thu được từ việc chuyển nhượng Công ty TNHH Apax Franklin Academy như trình bày tại Thuyết minh số 3.

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	40.507.409.217	26.891.076.804
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	97.996.849	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính (i)	4.350.375.027	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	832.335.750	819.621.300
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	33.777.000
Chi phí tài chính khác	1.189.261.144	256.983.610
Cộng	46.977.377.987	28.001.458.714

Ghi chú:

- (i) Khoản lỗ do việc chuyển nhượng các Công ty liên kết gián tiếp như trình bày tại Thuyết minh số 3.

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	363.233.370.087	180.850.190.129
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.979.250	57.559.336
Chi phí dụng cụ đồ dùng	203.757.411	176.380.304
Chi phí khấu hao TSCĐ	843.077.312	886.910.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.428.706.085	52.253.773.068
Chi phí khác bằng tiền	12.700.166.770	6.154.301.685
Cộng	475.415.056.915	240.379.114.610
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	66.475.540.004	30.466.560.993
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.579.682.477	902.371.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.607.210.211	600.399.928
Thuế, phí và lệ phí	571.340.397	547.914.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.321.851.860	24.632.888.438
Lợi thế thương mại phân bổ	57.440.016.444	57.440.016.444
Chi phí bằng tiền khác	6.492.371.117	6.835.226.662
Chi phí dự phòng	2.000.000.000	-
Cộng	180.488.012.510	121.425.377.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.445.198.197	562.241.171
Chi phí nhân công	798.655.866.204	503.742.937.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.427.183.063	99.405.735.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.962.983.591	290.919.492.311
Chi phí khác bằng tiền	22.645.333.225	18.940.442.784
Cộng	<u>1.549.136.564.280</u>	<u>913.570.849.014</u>

30. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu về hợp tác bán sách	5.460.752.429	7.525.022.222
Xuất phần bản quyền sách	1.033.897.652	2.780.000.000
Lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	1.482.192.461
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	717.171.712	-
Thu nhập khác	2.753.788.097	6.012.019.244
Cộng	<u>9.965.609.890</u>	<u>17.799.233.927</u>

31. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi về hợp tác bán sách	4.859.126.669	6.813.362.305
Chi phí sát nhập trung tâm	5.359.861.949	-
Chi phí hợp tác kinh doanh	520.202.016	-
Các khoản khác	3.863.641.342	5.580.749.443
Cộng	<u>14.602.831.976</u>	<u>12.394.111.748</u>

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	32.158.687.249	37.673.112.279
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>32.158.687.249</u>	<u>37.673.112.279</u>

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	39.484.712.344	58.489.469.599
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.484.712.344	58.489.469.599
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	74.226.300	68.880.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	531,95	849,15
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và trong lãnh thổ Việt Nam. Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không phát sinh doanh thu ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Hoạt động vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng. Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục chiếm 95%, doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng chiếm tỷ trọng 5% (nhỏ hơn 10%) tổng doanh thu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong tương lai) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	636.000.667.874	443.024.362.241
Trừ: Tiền và các khoản trong tương lai	(530.223.506.719)	(479.116.207.042)
Nợ thuần	105.777.161.155	-
Vốn chủ sở hữu	935.568.414.769	1.235.594.061.310
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	11,3%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	530.223.506.719	479.116.207.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	252.651.743.073	195.662.503.399
Đầu tư tài chính dài hạn	474.000.000	474.000.000
Cộng	783.349.249.792	675.252.710.441
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	636.000.667.874	443.024.362.241
Phải trả người bán và phải trả khác	221.896.476.580	39.719.717.360
Chi phí phải trả	70.674.922.726	43.751.479.058
Cộng	928.572.067.180	526.495.558.659

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	530.223.506.719	-	530.223.506.719
Phải thu khách hàng và phải thu khác	154.107.495.683	98.544.247.390	252.651.743.073
Đầu tư tài chính dài hạn	-	474.000.000	474.000.000
Cộng	684.331.002.402	99.018.247.390	783.349.249.792
Số cuối năm			
Các khoản vay	397.910.531.476	238.090.136.398	636.000.667.874
Phải trả người bán và phải trả khác	221.896.476.580	-	221.896.476.580
Chi phí phải trả	70.674.922.726	-	70.674.922.726
Cộng	690.481.930.782	238.090.136.398	928.572.067.180
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.150.928.380)	(139.071.889.008)	(145.222.817.388)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	479.116.207.042	-	479.116.207.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.355.073.070	42.307.430.329	195.662.503.399
Đầu tư tài chính dài hạn	-	474.000.000	474.000.000
Cộng	632.471.280.112	42.781.430.329	675.252.710.441
Số đầu năm			
Các khoản vay	193.825.047.698	249.199.314.543	443.024.362.241
Phải trả người bán và phải trả khác	39.719.717.360	-	39.719.717.360
Chi phí phải trả	43.751.479.058	-	43.751.479.058
Cộng	277.296.244.116	249.199.314.543	526.495.558.659
Chênh lệch thanh khoản thuần	355.175.035.996	(206.417.884.214)	148.757.151.782

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	Cổ đông chi phối công ty mẹ sở hữu 66,66% vốn điều lệ của Công ty
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool	Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
Công ty Cổ phần Studynet	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
Công ty Cổ phần Soya Garden	Cùng tập đoàn và cùng cổ đông lớn góp vốn
Công ty Cổ phần Đào tạo Nexedu Việt Nam	Cùng tập đoàn
<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Quách Mạnh Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHỊP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số đầu năm		Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối năm	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings										
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Nhận tạm ứng	-	-	51.089.700	-	51.089.700	-	-	-
Công ty Cổ phần Soya Garden	Cùng tập đoàn (Cùng cổ đông lớn góp vốn)	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-	70.476.000	-	70.476.000	-	-	-
CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Mua hàng hóa, dịch vụ	42.034.182	-	552.393.340	-	594.427.522	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư Eduland	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Đi vay	-	-	19.228.000.000	-	19.228.000.000	-	-	-
Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Apax Holdings	Thanh toán tiền lãi vay	-	-	331.281.841	-	331.281.841	-	-	-
		Mua khoản đầu tư	-	-	349.800.000.000	-	252.000.000.000	-	-	97.800.000.000
Giao dịch với Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax										
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng Công ty CTCP Đầu tư Apax Holdings	Thanh toán tiền lãi vay	5.274.065.277	-	34.269.760	-	5.308.335.037	-	-	-
Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Apax Holdings	Cổ tức phải trả	-	-	441.223.160	-	376.967.360	-	64.255.800	-
		Bán hàng	40.614.829.345	-	553.555	-	40.615.382.900	-	-	-
		Cổ tức phải trả	-	-	12.270.561.970	-	10.408.789.720	-	1.861.772.250	-
Công ty Cổ phần Studynet	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Cho CTCP Anh ngữ Apax	2.800.000.000	-	-	-	-	-	2.800.000.000	-
		Phải thu khác	191.636.250	-	-	-	-	-	191.636.250	-
CTCP Anh ngữ Apax Academy	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Phải trả khác từ mua bán và	1.968.491.603	-	11.906.915.092	-	9.404.712.324	-	4.470.694.371	-
		Thu chi hộ tiền hàng	-	-	5.951.682.247	-	5.951.682.247	-	-	-
		Phải thu khác	-	-	20.054.962.923	-	20.054.962.923	-	-	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-	573.397.993	-	183.403.542	-	389.994.451	-
		Phải trả tiền lãi đi vay	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	-	-
CTCP Anh ngữ Apax Speedy	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Đi vay	-	-	500.000.006	-	6.500.000	-	493.500.006	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-	184.500.000	-	4.758.903.542	-	-	-
		Phải thu từ mua bán và Thu chi hộ tiền hàng	4.574.403.542	-	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số đầu năm		Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối năm	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Giao dịch với Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax										
CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Bán hàng	78,000,000	-	-	78,000,000	-	-	-	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	4,001,756,775	12,828,367,714	17,906,966,475	(1,076,841,986)				
		Cầm cố ký quỹ, ký cược	-	2,665,932,279	-	2,665,932,279	-	-	-	2,665,932,279
Chungdahm Learning, Inc	Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	Mua hàng hóa, dịch vụ	11,640,000,000	59,448,862,500	65,956,612,500	5,132,250,000				
		Cổ tức phải trả	-	5,877,107,550	-	5,877,107,550	-	-	-	5,877,107,550
		Phải thu khác	82,678,012	-	-	-	-	-	-	82,678,012
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool	Cùng chủ sở hữu	Nhận tiền vay từ Công ty	100,000,000	-	100,000,000	-	-	-	-	-
		Phải thu khác	90,029,168	-	-	-	-	-	-	90,029,168
		Phải thu từ mua bán và Thu chi hệ tiền hàng	765,087,252	293,755,000	79,664,600	979,177,652				
Công ty Cổ phần Soya Garden	Cùng tập đoàn (Cùng cổ đông lớn góp vốn)	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1,588,132,139	1,701,786,999	(113,654,860)				
Công ty Cổ phần Đào tạo Nexedu Việt Nam	Cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	5,035,450,000	5,585,988,884	(550,538,884)				
Công ty cổ phần Đầu tư Eduland	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	788,888,884	788,888,884	-				
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(529,359,600)	753,423,000	224,063,400	-				
		Mua hàng hóa, dịch vụ	14,795,000	-	14,795,000	-				
Giao dịch với Công ty CP Phát triển Giáo dục Igarten										
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Apax Holdings	Thanh toán tiền lãi vay	682,759,941	-	682,759,941	-				
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Apax Holdings	Thanh toán tiền lãi vay	494,540,484	-	494,540,484	-				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	51,304,538,708	52,159,938,527	(855,399,819)				
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục Eschool	Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Ký cược, ký quỹ dài hạn	11,628,736,351	16,473,723,420	1,120,032,000	26,982,427,771				
		Mua hàng hóa, dịch vụ	95,408,500	1,624,823,590	1,699,265,425	20,966,665				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
			VND	VND	VND	VND
Giao dịch với Công ty CP Phát triển Giáo dục Igarten						
Công ty Cổ phần đào tạo Nexedu Việt Nam	Cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	69.025.000	-	69.025.000
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Đi vay Thanh toán tiền lãi vay	-	13.000.000.000 676.142.465	13.000.000.000	- 676.142.465
Công ty Cổ phần Apax Speedy	Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax	Đi vay Thanh toán tiền lãi vay	-	6.000.000.000 313.446.573	6.000.000.000	- 313.446.573
Vũ Cẩm La Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Apax Holdings	Đi vay Thanh toán tiền lãi vay	-	74.000.000.000 2.363.253.041	58.000.000.000 2.188.973.589	16.000.000.000 174.279.452
Giao dịch với Công ty TNHH Apax Franklin Academy						
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Mua hàng hóa, dịch vụ	607.262.896	5.857.773.525	3.911.000.000	2.554.036.421
	Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Apax Holdings	Phải trả khác	-	820.000.000	-	820.000.000
Giao dịch với Công ty Cổ phần Trường Liên cấp Firbank Australia						
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Mua hàng hóa, dịch vụ Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	151.613.307 133.614.409	149.342.742	2.270.565 133.614.409
Giao dịch với Công ty Cổ phần English now Global						
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Giáo dục Egroup	Chủ sở hữu CTCP Đầu tư Apax Holdings	Mua hàng hóa, dịch vụ Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	1.663.985.423 1.049.408.700	1.010.189.322	653.796.101 1.049.408.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	3.237.136.431	1.421.700.000
Cộng	3.237.136.431	1.421.700.000

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động ghi nhận trong năm	273.403.636.740	140.633.995.546
Cộng	273.403.636.740	140.633.995.546

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	351.571.153.803	171.346.463.138
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.024.757.646.030	498.962.348.755
Sau năm thứ năm	407.699.739.042	59.505.032.137
Cộng	1.784.028.538.875	729.813.844.031

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ về việc chỉ đạo cho phép học sinh, sinh viên nghỉ học phòng, chống dịch Covid-19 tại Văn bản số 716/VPCP-KGVX ngày 02/02/2020, các Sở Giáo dục Đào tạo tại các tỉnh, thành phố đã ra quyết định: Cho phép học sinh, sinh viên nghỉ học từ ngày 03/02/2020. Theo đó, các trung tâm dạy học và trường mầm non của Công ty tạm ngừng dạy học từ ngày 03/02/2020 cho đến khi có ý kiến chỉ đạo cho phép của Cơ quan chức năng do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Ban Điều hành đang thu thập thông tin để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập